**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN LẠC THỦY**
**TỈNH HÒA BÌNH**

Bản án số: 02 /2022/DSST
*V/v kiện xin ly hôn.*
*Ngày 20 tháng 4 năm 20022.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC THỦY – HÒA BÌNH

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* ông Vũ Hải Dương.

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông: Bùi Hữu Thành;

Bà: Nguyễn Thị Khánh.

*Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà - Nguyễn Thị Hường* - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Thủy tham gia phiên tòa:* bà Bùi Thị Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022. Tại Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 116/2021/ HNGD ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc kiện xin ly hôn.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXX-DS ngày 08 tháng 3 năm 2022. Giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** chị Bùi Thị H, sinh năm 1986. Có mặt

**2. Bị Đơn**: anh Nguyễn Bá H, sinh năm 1970. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng trú tại: thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

3. **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

- Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Thu H – Phó giám đốc phụ trách Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**4. Người làm chứng:**

- chị Bùi Thị H, sinh năm 1987. Vắng mặt
- chị Bùi Thị T, sinh năm 2000. Vắng mặt

Cùng trú tại: thôn M, xã T, huyện L, Hòa Bình.

- bà Vũ Thị H. Vắng mặt

Trú tại: thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày như sau*: chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Bá H kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A (nay là xã T), huyện L, tỉnh Hòa Bình và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 29, quyển số: 01 ngày 07 tháng 9 năm 2011.

Theo chị H, anh H kết hôn với chị H là người vợ thứ hai, (trước đó anh H đã có một đời vợ và đã ly hôn); Cuộc sống hạnh phúc của hai vợ chồng chị sau ngày kết hôn không được bao lâu thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, không tìm đươc tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh H không tu trí làm ăn, không khí gia đình nặng nề, mệt mỏi. Mặc dù đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không có hiệu quả. Hiện tại hai anh chị đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2021 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm với anh H không còn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 29/12/2021, anh H nhất trí với lời khai của chị H về quá trình kết hôn. Về mẫu thuẫn gia đình, theo anh chỉ nảy sinh bắt đầu từ đầu năm 2021. Nguyên nhân là do chị H thiếu sự quan tâm tới gia đình, lạnh nhạt với chồng. Trong thời gian này, hai anh chị có sảy ra cãi vã. Anh và gia đình khuyên bảo nhưng chị H không thay đổi, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, hai anh chị đã sống ly thân từ khoảng tháng 11 năm 2021 đến nay. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, quan điểm của anh H là mong muốn gia đình được đoàn tụ.

*Về con chung*: chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Bá H có hai con chung: Nguyễn Thanh N, sinh ngày 14/7/2012 và Nguyễn Thanh M, sinh ngày 07/10/2014. Ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và chưa yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, hai cháu N và M có nguyện vọng được ở với mẹ là chị H.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai cũng như Biên bản hòa giải trong hồ sơ vụ án, anh H đều nhất trí giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành.

*Tài sản chung*: chị H, anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về công nợ*: Quá trình giải quyết vụ án xác định: anh H, chị H còn nợ ngân hàng chính sách huyện Lạc Thủy 02 khoản vay:

- Khoản vay thứ nhất: mã món vay: 6600000715601705, vay ngày 16/4/2019, số tiền vay là: 20.000.000 đồng, lãi suất 9%/ năm, lãi suất quá hạn 130% lãi sau khi cho vay. Thời hạn cho vay: 60 tháng. Kỳ hạn trả nợ: 06 tháng/ lần. Số tiền trả nợ: 2.200.000 đồng/lần. Kỳ cuối cùng: 2.400.000 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng ngày 18/4/2024.

- Khoản vay thứ hai: mã món vay: 6600000715164404, vay ngày 16/6/2019, số tiền vay là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, lãi suất 9%/ năm, lãi suất quá hạn 130% lãi sau khi cho vay. Thời hạn cho vay: 36 tháng. Kỳ hạn trả nợ: 12 tháng/ lần. Số tiền trả nợ: 16.600.000 đồng/lần. Kỳ cuối cùng: 16.800.000 đồng. Hạn trả nợ cuối cùng ngày 18/6/2022.

Anh H và chị H đã trả lãi đến hết tháng 3 năm 2022.

Quá trình hòa giải, anh H, chị H và đại diện Ngân hàng chính sách xã hội nhất trí thỏa thuận, anh H, chị H mỗi người có trách nhiệm trả Ngân hàng 35.000.000 đồng cùng lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn đã giao kết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/02/2022, những người làm chứng: chị H, chị T, bà H và trưởng thôn M đều xác nhận: chị H và anh H có sống ly thân từ khoảng tháng 11 năm 2021 đến nay, nguyên nhân cụ thể vì sao thì không biết.

Tại phiên tòa: nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung và công nợ chung.

***Ý kiến của đại diện viện kiểm sát:***

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh H đã không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án đến để tham gia tố tụng vi phạm quy định tại các điều 70, 72 BLTTDS, căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS đề nghị Toà án xét xử vắng mặt bị đơn.

- *Về việc giải quyết vụ án:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Do cuộc sống chung giữa chị H, anh H không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H, anh H đã sống ly thân nhiều tháng nay. Có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị H. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị H. Xử cho chị H được ly hôn với anh H.

+ Về con chung: chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Bá H có hai con chung: Nguyễn Thanh N, sinh ngày 14/7/2012 và Nguyễn Thanh M, sinh ngày 07/10/2014. Nguyện vọng hai cháu đều mong muốn được ở với mẹ, Bản thân anh H cũng nhất trí giao cả hai con chung: cháu Nguyễn Thanh N và cháu Nguyễn Thanh M cho chị Bùi Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cả hai con trưởng thành. Anh H có quyền thăm non con chung theo quy định pháp luật.

Chị H chưa yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[5]Về tài sản chung: các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6]. Về công nợ: chị H và anh H, mỗi anh chị có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 35.000.000 đồng cùng lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn đã giao kết.

+ Về án phí: các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1.]Về tố tụng: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án theo lãnh thổ được xác định đó là Tòa án nơi bị đơn cư trú. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền.

- Bị đơn anh Nguyễn Bá H; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hang chính sách xã hội Việt Nam, người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Thu H đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt anh H, đại diện Ngân hang là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người làm chứng: chị Bùi Thị H, chị Bùi Thị T, bà Vũ Thị H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa ngày 08/4/2022 và mở lại phiên tòa vào ngày 20/4/2022 để xét xử vụ kiện là phù hợp với quy định tại Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.]Về quan hệ tranh chấp: Giữa chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Bá H có đăng ký kết hôn năm 2011 tại Uỷ ban nhân dân xã A (nay là xã T), huyện L, tỉnh Hòa Bình, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 24, quyển số 01 ngày 07/9/2011. Hôn nhân của hai anh chị là hợp pháp. Nay chị H khởi kiện xin ly hôn với anh H, Tòa án đã thụ lý và xác định quan hệ tranh chấp là: Kiện xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 bộ luật tố tụng dân sự.

[4.] Về quan hệ hôn nhân: xét thấy hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Bá H là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp và tiến bộ. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống, vợ chồng nảy sinh mẫu thuẫn. Nguyên nhân là chị H và anh H bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình nên sảy ra cãi vã, khiến cho cuộc sống gia đình căng thẳng. Hai anh chị đã cùng gia đình hai bên tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn gia đình nhưng không có kết quả. Vì vậy, hai anh chị đã sống ly thân, đến nay khoảng 6 tháng, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa, chị H kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

Anh H tuy không muốn ly hôn với chị H nhưng anh H cũng không tích cực tìm ra phương án tháo gỡ mâu thuẫn gia đình, không tới Tòa án để tham gia tố tụng, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Bá H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H xin ly hôn với anh Nguyễn Bá H.

[4]Về con chung: chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Bá H có hai con chung: Nguyễn Thanh N, sinh ngày 14/7/2012 và Nguyễn Thanh M, sinh ngày 07/10/2014. Nguyện vọng hai cháu đều mong muốn được ở với mẹ. Bản thân anh H cũng nhất trí thoả thuận giao cả hai con chung: cháu Nguyễn Thanh N và cháu Nguyễn Thanh M cho chị Bùi Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cả hai con trưởng thành. Anh H có quyền thăm non con chung theo quy định pháp luật.

Chị H chưa yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]Về tài sản chung: các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6]. Về món nợ 70.000.000 (Bẩy mươi triệu) đồng vay của Ngân hàng chính sách xã hội: Xét thấy đây là khoản vay chung của chị H và anh H, các bên đường sự đã thoả thuận trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh huyện Lạc Thuỷ, cụ thể: mỗi anh chị có trách nhiệm trả 35.000.000 đồng cũng lãi phát sinh theo hợp đồng đã giao kết có mã món vay là 6600000715601705 ngày 16/4/2019 và mã món vay 6600000715164404, ngày 16/6/2019).

[6]Về án phí: chị Bùi Thị H, anh Nguyễn Bá H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

*Bởi các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466 Bộ luật dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

**1. Tuyên xử:** Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị H. Tuyên xử chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Bá H.

**2. Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày 14/7/2012 và cháu Nguyễn Thanh M, sinh ngày 07/10/2014 cho chị Bùi Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành. Anh H có quyền thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H chưa yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về công nợ: Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể: chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Bá H, mỗi người có trách nhiệm trả Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh huyện Lạc Thuỷ số tiền 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng cùng lãi phát sinh theo hợp đồng đã giao kết có mã món vay là 6600000715601705 ngày 16/4/2019 và mã món vay 6600000715164404, ngày 16/6/2019).

5. Về án phí:

- Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số: 0000021 ngày 08/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy.

- Về án phí dân sự: chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Bá H, mỗi người phải nộp 875.000 (Tám trăm bẩy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Nguyễn Bá H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn 15 ngày này tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Hải Dương**

*Nơi nhận:*
- *TAND tỉnh HB;*
- *VKSND huyện LT;*
- *THADS huyện LT;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã T*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*